

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
2 PHỐ Q
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST;
Ngày: 29-01-2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN 2 PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG.**

- 2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Việt Thanh.

2/ Bà Nguyễn Thị Thuỳ T3.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh, thư ký Tòa án nhân dân 2 phố Q, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân 2 phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 618/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2023/QĐXX-ST ngày 20/12/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Từ Thị T1** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, 2 phố Q, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn 2** – sinh năm 1981;

Địa chỉ: Ấp M, xã N, 2 phố Q, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Từ Thị T1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn 2 chung sống vào năm 2000, đăng ký kết hôn năm 24/9/2002 tại Ủy ban nhân dân xã N. Cuộc sống chung của anh chị rất hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xảy ra xung đột với nhau khiến cho hôn nhân không còn hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ năm 2022. Nay mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh 2.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thùy T3, sinh năm 2000. đã trưởng 2, lao động được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn 2 vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị T1 khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh 2. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn” theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại ấp M, xã N, 2 phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân 2 phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị T1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh 2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1, Tòa xét thấy: Chị T1 trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ, thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh 2 nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng anh 2 vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T1. Qua đó cho thấy anh 2 không có 2 ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị T1. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị T1, cho chị T1 được ly hôn với anh 2.

[5] Về con chung: Con chung đã trưởng 2 lao động được nên chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T1 phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Từ Thị T1.

Về tình cảm: Chị Từ Thị T1 được ly hôn với anh Nguyễn Văn 2.

2. Án phí: Chị Từ Thị T1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024448 ngày 24/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự 2 phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND 2 phố Q;
- Chi cục THADS 2 phố Q;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

Cao Thị Thu Thủy